

Số: /SoKHCN-TTr  
V/v thực hiện nộp hồ sơ giải quyết  
TTHC trên môi trường điện tử

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ tại điểm c<sup>1</sup> khoản 1 Điều 9 của Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và mục a<sup>2</sup> khoản 2 Điều 11 của Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, nâng cao chất lượng việc sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành tại địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo như sau:

1. Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tại <https://dichvucong.dongnai.gov.vn> trong thành phần hồ sơ có yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp tờ khai, biểu mẫu thì phải được thực hiện ký số trước khi nộp.

2. Trong quá trình sử dụng, nếu có khó khăn, vướng mắc trong quá trình ký số khi nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đề nghị các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân liên hệ số tổng đài (0251) 1022 để được hỗ trợ, hướng dẫn.

Sở Khoa học và Công nghệ xin thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân biết, phối hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Ban Giám đốc Sở;
  - Các phòng trực thuộc Sở;
  - Lưu: VT, TTr
- TTrThang\_Nophosodientu/3b.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Hoàng Khai**

<sup>1</sup> “c) Ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ”

<sup>2</sup> “a) Triển khai áp dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về chữ ký số trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến”

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Đính kèm Văn bản số /SoKHCHN ngày /4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

| STT       | Mã TTHC                                         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                  | DVC trực tuyến |
|-----------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân</b>      |                                                                                                                                                                                                                         |                |
| 1         | 2.002379                                        | Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)                                                                                                             | Toàn trình     |
| 2         | 2.002382                                        | Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                    | Một phần       |
| 3         | 2.002384                                        | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                    | Một phần       |
| 4         | 2.002380                                        | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                        | Một phần       |
| 5         | 2.002381                                        | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                    | Một phần       |
| 6         | 2.002383                                        | Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                    | Một phần       |
| 7         | 2.002385                                        | Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                                                                  | Toàn trình     |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b> |                                                                                                                                                                                                                         |                |
| 8         | 1.006427                                        | Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                            | Một phần       |
| 9         | 2.000079                                        | Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người | Một phần       |
| 10        | 2.002144                                        | Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng                                                                                                                     | Một phần       |

|    |          |                                                                                                                                                             |            |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    |          | ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người                      |            |
| 11 | 1.001786 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ                                                                     | Toàn trình |
| 12 | 1.001747 | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                                                      | Một phần   |
| 13 | 1.001770 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                         | Một phần   |
| 14 | 1.001716 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                           | Toàn trình |
| 15 | 1.001677 | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                            | Một phần   |
| 16 | 1.001693 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                               | Một phần   |
| 17 | 2.002278 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)                                                                                   | Toàn trình |
| 18 | 2.001525 | Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                                                   | Toàn trình |
| 19 | 2.001179 | Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.                         | Toàn trình |
| 20 | 2.002248 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)                                    | Toàn trình |
| 21 | 2.002249 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ) | Toàn trình |
| 22 | 3.000259 | Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam                                   | Một phần   |
| 23 | 2.002502 | Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                                                        | Toàn trình |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 24 | 1.008377 | Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ                                                                                               | Toàn trình |
| 25 | 1.008379 | Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác                                                                                                                                           | Một phần   |
| 26 | 2.002544 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao                                                                                                                                                                                                         | Toàn trình |
| 27 | 2.002546 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao                                                                                                                                                                                            | Một phần   |
| 28 | 2.002548 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao                                                                                                                                                                                                     | Toàn trình |
| 29 | 1.011812 | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu                                                                                                                                                                     | Toàn trình |
| 30 | 1.011814 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu                                                                                                                                                          | Toàn trình |
| 31 | 1.011815 | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến                                                                                                                                                                                                                                                    | Toàn trình |
| 32 | 1.011816 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực                                                                                       | Toàn trình |
| 33 | 1.011818 | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Toàn trình |
| 34 | 1.011820 | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                  | Toàn trình |
| 35 | 1.011819 | Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                     | Một phần   |
| 36 | 1.012353 | Thủ tục xác nhận dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên                                                                                                                                                | Một phần   |

|            |                                                |                                                                                                                                                                                             |            |
|------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 37         | 2.001143                                       | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ                                                                                                           | Toàn trình |
| 38         | 2.001137                                       | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ                                     | Toàn trình |
| 39         | 1.00269                                        | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ                                                                                                                   | Toàn trình |
| 40         | 2.001643                                       | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | Toàn trình |
| 41         | 2.002709                                       | Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                         | Một phần   |
| 42         | 2.002710                                       | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                      | Một phần   |
| 43         | 2.002711                                       | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                                   | Một phần   |
| 44         | 2.002722                                       | Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                        | Một phần   |
| 45         | 2.002723                                       | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                     | Một phần   |
| 46         | 2.002724                                       | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                            | Một phần   |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b> |                                                                                                                                                                                             |            |
| 47         | 2.000212                                       | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng                                                                                                                                                      | Toàn trình |
| 48         | 2.001269                                       | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia                                                                                                                   | Một phần   |
| 49         | 2.002253                                       | Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân                                                                         | Toàn trình |

|           |                                |                                                                                                                                                                                                          |            |
|-----------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 50        | 2.001209                       | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận                                                                                                           | Toàn trình |
| 51        | 2.001207                       | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh                                                                                                 | Toàn trình |
| 52        | 1.001392                       | Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                                          | Một phần   |
| 53        | 2.001259                       | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                     | Một phần   |
| 54        | 1.000449                       | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng                                                                                                                                           | Toàn trình |
| 55        | 2.001277                       | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do bộ khoa học và công nghệ ban hành | Toàn trình |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ</b> |                                                                                                                                                                                                          |            |
| 56        | 1.011937                       | Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                         | Toàn trình |
| 57        | 1.011938                       | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                     | Toàn trình |
| 58        | 1.011939                       | Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                     | Toàn trình |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực Bưu chính</b>      |                                                                                                                                                                                                          |            |
| 59        | 1.003659                       | Cấp giấy phép bưu chính                                                                                                                                                                                  | Toàn trình |
| 60        | 1.003687                       | Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính                                                                                                                                                                     | Toàn trình |
| 61        | 1.003633                       | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn                                                                                                                                                                  | Toàn trình |
| 62        | 1.004379                       | Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được                                                                                                                                   | Toàn trình |
| 63        | 1.004470                       | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính                                                                                                                                                       | Toàn trình |
| 64        | 1.005442                       | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được                                                                                                                            | Toàn trình |
| 65        | 1.010902                       | Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính                                                                                                                                          | Toàn trình |